

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngôn Thị Liêm và bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 20/2024/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1995 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú và nơi ở: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nông Văn K (đã chết) và bà Lương Thị T (sinh năm 1967); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

2. Nông Văn O; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 10 năm 1977 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Nông Văn H và bà Nông Thị M (đều đã chết); Vợ: Nông Thị K1 (sinh năm 1977) và 01 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

*** Người làm chứng:**

Nông Văn T1, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: xóm H, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 45 phút ngày 14/12/2023, tổ công tác Đoàn Biên phòng Đ phối hợp với tổ công tác Công an xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực xóm H, xã Đ, huyện Trùng Khánh phát hiện bắt quả tang Nông Văn Đ, sinh năm 1995, trú tại xóm H, xã Đ, huyện Trùng Khánh có hành vi tàng trữ trái phép. Vật chứng thu giữ trong lòng bàn tay phải của Đ 04 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng, Đ khai nhận là ma túy, loại Heroine. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Hồi 09 giờ 00 phút ngày 15/12/2023, Đoàn Biên phòng Đ phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả cân số chất bột màu trắng thu giữ đối với Nông Văn Đ có khối lượng 0,24 gam. Tại kết luận giám định số 01/KL-KTHS ngày 20/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.

Ngày 14 và ngày 15 tháng 12 năm 2023, Đoàn Biên phòng Đ tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn Đ, Nông Văn O. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật tài liệu gì có liên quan. Tại Đoàn biên phòng Đ và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Nông Văn Đ khai nhận: khoảng 10 giờ ngày 14/12/2023, Đ một mình bước bộ từ nhà mình đến nhà Nông Văn O, sinh năm 1977 là người cùng xóm, nhà Đ cách nhà O khoảng 400 mét. Mục đích nhờ O mua giúp ma túy. Tại nhà O, Đ thỏa thuận với O mua được ma túy sẽ chia ma túy cho O sử dụng. Nông Văn O đồng ý. Đ đưa cho O 400.000 đồng. O nhận tiền rồi đi ra khỏi nhà khoảng 30 phút thì quay lại đưa cho Đ 04 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng. Sau khi nhận được ma túy, Đ mở 04 gói ma túy ra, tách lấy mỗi gói một ít ma túy ra tờ giấy bạc rồi đưa cho O với mục đích trả công O mua giúp ma túy. Sau đó, Đ cầm 04 gói ma túy đi về nhà, trên đường về thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Nông Văn O khai nhận: khoảng 10 giờ ngày 14/12/2023, O đang ở nhà thì có Nông Văn Đ là người cùng xóm đến nhờ mua giúp ma túy 400.000 đồng với điều kiện, mua được ma túy sẽ trả công bằng ma túy để sử dụng. Do bản thân nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy. Khi Đ đến nhờ, O đồng ý. O nhận tiền rồi đến xóm Lũng Phiắc, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng mua ma túy với 01 người đàn ông không quen biết

với số tiền 400.000 đồng được 04 gói nhỏ gói bằng giấy bạc màu vàng. Rồi đem về nhà đưa cho Đ. Đ tách ma túy đưa cho O để sử dụng, rồi đi về nhà. Ngoài ra, O còn thừa nhận ngày 13/12/2023, O có nhận tiền mua giúp ma túy cho Nông Văn T1, sinh năm 1991, là người cùng xóm với số tiền 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T1 có chia ma túy cho O sử dụng. Lời khai của Nông Văn Đ, Nông Văn O phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, kết quả cân khối lượng Heroine và những vật chứng, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Số vật chứng còn lại, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành quyết định chuyển vật chứng của vụ án từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để xử lý theo quy định của pháp luật. Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTK ngày 20 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo. Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định các bị cáo đều có đầy đủ khả năng nhận thức về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội, căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: K1 bố các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn Đ, Nông Văn O. Xử phạt mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng tù - 18 (mười tám) tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 04 mảnh giấy bạc màu vàng. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của các bị cáo. Cụ thể: Khoảng 10 giờ sáng ngày 14/12/2023, Nông Văn Đ đến nhà Nông Văn O đưa cho O 400.000 đồng để O đi mua ma túy. Sau khi O mua được 04 gói ma túy về đưa cho Đ. Đ chia cho O một ít rồi cầm 04 gói ma túy đi về nhà. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 14/12/2023, khi đang trên đường về nhà thì Nông Văn Đ bị tổ công tác Đoàn Biên phòng Đ phối hợp với tổ công tác Công an xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang đang tàng trữ trái phép 0,24 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được và biết rõ tác hại của ma túy, hiểu được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và hiểu được các quy định của Nhà nước về nghiêm cấm mọi hành vi có liên quan đến ma túy nhưng do đã lệ thuộc vào ma túy nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện. Việc làm của các bị cáo đã tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng, làm giảm sút sức lao động, hủy hoại đến sức khỏe và trí tuệ của con người, khiến dư luận và nhân dân địa phương bất bình, và là một trong những nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm khác; xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; hành vi phạm tội của các bị cáo còn thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đây là vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy do bị cáo Đ và bị cáo O thực hiện, hai bị cáo là đồng phạm khi cùng thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Hội đồng xét xử xét thấy, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Đ là người trực tiếp bỏ tiền và nhờ bị cáo O đi mua ma túy giúp và hứa sẽ trả công bằng hình thức cho ma túy sử dụng; bị cáo O khi được bị cáo Đ nhờ đã trực tiếp đi mua ma túy và được bị cáo Đ trả công bằng ma túy để sử dụng; khi bị bắt, khối lượng ma túy thu giữ được của các bị cáo đang tàng trữ trái phép là 0,24 gam ma túy, loại Heroine, đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo có

đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, cần cân nhắc mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật và cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung. Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Nông Văn Đ và bị cáo Nông Văn O phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O đều là người nghiện ma túy nên không được coi là có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi tàng trữ ma túy của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ và bị cáo Nông Văn O phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng tù - 18 (mười tám) tháng tù. Xét thấy, mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với cả hai bị cáo Đ và bị cáo O là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số Heroine thu giữ là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành và 04 mảnh giấy bạc màu vàng do liên quan tới hành vi phạm tội.

[7] Các nhận định khác: Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, bị cáo Nông Văn O khai được mua ma túy với một người đàn ông không biết tên tại xóm Lũng Phiếu, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra không có thêm tài liệu gì nên không đề nghị xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ và bị cáo Nông Văn O phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn Đ, Nông Văn O.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 14/12/2023;

Xử phạt bị cáo Nông Văn O 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2023;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “*Vật chứng vụ Nông Văn Đ - Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra tại xóm H - xã Đ - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng, ngày 14/12/2023*”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình dấu mực màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Trùng Khánh;

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/3/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Các bị cáo Nông Văn Đ và Nông Văn O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện TK;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ CATK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ (Bằng TB);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bế Thị Thùy Linh

